

LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

TÀI LIỆU HUẤN LUYỆN GIÁO LÝ VIÊN
(lưu hành nội bộ)

NỘI DUNG

NỘI DUNG	2
DẪN VÀO	3
BÀI 1 : LÝ DO CÔNG TRÌNH CỨU ĐỘ	4
I. SÁNG TẠO VŨ TRỤ VÀ CON NGƯỜI.....	4
II. TỘI LỖI.....	7
III. HẬU QUẢ CỦA NGUYÊN TỘI	7
BÀI 2 : CHUẨN BỊ DÂN THIÊN CHÚA	8
I. THIÊN CHÚA CHỌN GỌI ÔNG ABRAHAM	9
II. LỜI HỨA VÀ GIAO ƯỚC	9
III. CAO ĐIỂM CỦA LÒNG TIN	10
IV. DÂN THIÊN CHÚA ĐƯỢC CHUẨN BỊ	10
V. TRUYỆN ÔNG GIUSE	11
BÀI 3 : THÀNH LẬP DÂN THIÊN CHÚA	12
I. ÔNG MÔSÊ ĐƯỢC GIAO SỬ MẠNG	12
II. XUẤT HÀNH.....	13
III. LẬP GIAO ƯỚC SINAI	14
IV. TIẾN VÀO ĐẤT HỨA	15
BÀI 4 : THỜI THỦ LÃNH VÀ QUÂN CHỦ	17
I. LỊCH SỬ ISRAEL THỜI THỦ LÃNH.....	17
II. THỜI QUÂN CHỦ	18
III. NAM - BẮC PHÂN TRANH.....	19
BÀI 5 : THỜI CÁC NGÔN SỬ	20
I. NGÔN SỬ LÀ GÌ ?	20
II. CÁC NGÔN SỬ TRƯỚC THỜI LƯU ĐÀY.....	21
III. CÁC NGÔN SỬ THỜI LƯU ĐÀY VÀ HỒI HƯƠNG	23
BÀI 6 : HỒNG ƠN CỨU ĐỘ	25
I. TRUYỀN TIN GIÁNG THẾ	26
II. SỰ VỤ CỦA ĐỨC GIÊSU	27
III. THƯƠNG KHÓ VÀ PHỤC SINH	27
BÀI 7 : THÔNG PHẦN ƠN CỨU ĐỘ	28
I. SỰ VỤ CỦA HỘI THÁNH	28
II. CÁC THÁNH THÔNG CÔNG	29
III. HOÀN TẤT LỊCH SỬ CỨU ĐỘ	30
KINH THÁNH : MỘT VÀI SỰ KIỆN	31
Lời kết	32

DẪN VÀO

Lịch sử cứu độ nêu lên tóm tắt những nét chủ yếu của Kinh Thánh. Nói chung, lịch sử cứu độ được chia làm hai giai đoạn : **Cựu Ước** và **Tân Ước**.

Cựu Ước sẽ trình bày những lý do chính của công trình cứu độ và việc chuẩn bị qua lời hứa cứu độ của Thiên Chúa. Phần Tân Ước cho ta thấy công cuộc thực hiện việc cứu độ của Ngôi Hai Thiên Chúa. Nội dung lịch sử cứu độ như sau :

Bài 1 : Lý do công trình cứu độ.

Bài 2 : Chuẩn bị dân Thiên Chúa.

Bài 3 : Thành lập dân Thiên Chúa.

Bài 4 : Thời thủ lãnh và vương quốc.

Bài 5 : Các ngôn sứ.

Bài 6 : Hồng ân cứu độ.

Bài 7 : Thông phần ơn cứu độ.

BÀI 1**LÝ DO CÔNG TRÌNH CỨU ĐỘ***(sách Sáng thế 1-11)*

Kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa là duy nhất, trong đó công cuộc sáng tạo và công trình cứu chuộc là hai khía cạnh. Thiên Chúa đã sáng tạo vạn vật và con người được tạo dựng theo hình ảnh của Người. Trong vạn vật, muôn vàn dấu chỉ biểu lộ cho thấy sự hiện diện của Đấng Tạo Hoá. Nhưng vì tội lỗi đã xảy đến, ngay lập tức Thiên Chúa hoạch định chương trình cứu độ loài người, chương trình của lòng nhân từ xót thương (x. Ep 1,4-9). Kế hoạch của Thiên Chúa cho thấy một yếu tố mới : việc “*phục nguyên vạn vật*”, bởi vì hình ảnh vạn vật đã ra méo mó vì tội lỗi, và tất cả bị xáo trộn : thiên nhiên và con người bị chúc dữ, nhân loại đâm ra chia rẽ, ích kỷ, con người bị đẩy ra khỏi nhà Thiên Chúa (x. St 3,16-24). Thế là chương trình cứu độ của Thiên Chúa bắt đầu và nhân loại vẫn hằng trông đợi một Đấng sẽ đến cứu độ muôn người (x. Lc 2,29-32). Bài này sẽ tìm hiểu ba vấn đề chính : Sáng tạo, tội lỗi và hình phạt.

I. SÁNG TẠO VŨ TRỤ VÀ CON NGƯỜI

Sách Sáng thế kể, theo cái nhìn đức tin, về nguồn gốc vũ trụ và việc Thiên Chúa bắt đầu hoạt động giữa loài người. Vũ trụ này đã được Thiên Chúa tạo dựng và bắt đầu trong thời gian (St 1,1), chứ không phải do tình cờ ngẫu nhiên. Người sáng tạo mọi sự từ hư vô, Thiên Chúa phán một lời, vạn vật liền hiện hữu. Sách Sáng thế có hai bản văn tường thuật công cuộc tạo dựng của Thiên Chúa :

- Bản I (St 1,1-2,4a) : Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ.
- Bản II (St 2,4b-25) : Thiên Chúa tạo dựng con người.

1. Vũ trụ :

Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ trong một tuần lễ : Thiên Chúa làm việc trong sáu ngày và nghỉ ngày thứ bảy (Sabát). Trong sáu ngày làm việc, Thiên Chúa sáng tạo mọi sự theo một chương trình, theo trình tự có liên quan với nhau : đặt nền phân tích và trang trí.

Ngày	Đặt nền (phân tích)	Ngày	Trang trí
I	Sáng / Tối	IV	Mặt trời, trăng, sao...
II	Nước trên / Nước dưới	V	Chim / cá
III	Biển / Đất – Cây cối	VI	Sinh vật – Con người

Bản văn mang tính cách tôn giáo, tác giả nhằm vào ý nghĩa giáo lý hơn là khoa học. Đây là bài giáo huấn về Thiên Chúa, về vạn vật và con người.

- Về Thiên Chúa :

- . Một Thiên Chúa duy nhất là chân lý căn bản của Cựu Ước.
- . Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ từ không thành có. Thiên Chúa là Đấng Tạo thành duy nhất.
- . Thiên Chúa sáng tạo và làm chủ muôn loài, Người xếp đặt mọi sự theo một trật tự tốt đẹp và Người gìn giữ chúng.

- Về vạn vật :

- . Muôn loài trong vũ trụ đều do Thiên Chúa tạo thành và đều tốt đẹp.
- . Vạn vật được dựng nên theo trình tự : có trước, có sau.

. Con người phải dành một ngày trong tuần cho Thiên Chúa (ngày Sabát).

- Về con người :

. Con người cao trọng nhất trong vũ trụ vì Thiên Chúa yêu thương họ.

. Con người là hình ảnh của Thiên Chúa (có trí khôn, tự do, tình yêu...), được Thiên Chúa cho làm chủ vũ trụ.

. Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ và Người chúc lành cho họ sinh sản đầy mặt đất.

2. Con người

Như người thợ gốm, Thiên Chúa lấy bụi đất nặn nên con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi ; tạo dựng bà Evà từ xương sườn của ông Ađam (Adong). Với lối văn sinh động và bình dân, tác giả diễn tả quan niệm thật sâu sắc :

. Thiên Chúa dựng nên con người có hồn và xác.

. Thiên Chúa đặt con người làm chủ vũ trụ, Kinh Thánh diễn tả qua việc ông Ađam đặt tên cho các sinh vật.

. Thiên Chúa dựng nên người nam và người nữ phụ thuộc và bổ túc cho nhau.

. Ông bà nguyên tổ chăm nom, canh tác và hưởng dùng vườn địa đàng : hạnh phúc của con người là cộng tác với Thiên Chúa trong công trình sáng tạo.

. Vườn địa đàng là tình trạng hạnh phúc : hiệp nhất và bình an giữa con người với Thiên Chúa, giữa con người với con người và giữa con người với vũ trụ.

II. TỘI LỖI

“Đức Chúa truyền lệnh cho con người : Hết mọi trái cây trong vườn người cứ ăn ; nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn, vì ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết” (St 2,16-17).

Satan dưới hình con rắn đã lợi dụng điều cấm này mà cám dỗ con người phạm tội : bất tuân và chống lại Thiên Chúa. *“Họ biết mình trần truồng”*. Trước đây họ trần truồng nhưng không xấu hổ, nhưng nay dục tình thác loạn, tình cảm lấn át lý trí, thể xác không còn phục tùng linh hồn. Nơi con người có một sự xáo trộn sâu xa.

- Không chỉ là trần trụi thể xác, nhưng còn là *“khi họ mở mắt ra”* họ nhìn thấy sự thấp hèn của mình ; nhận ra mình trần trụi và đầy giới hạn : hèn hạ, nghèo đói, nhục nhằn...

- Sự hoà hợp giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ không còn như xưa : lao nhọc, đau khổ từ nay là số phận của con người, và cái chết sẽ đưa con người trở về bụi đất. Ông bà đã mất tình nghĩa với Thiên Chúa và mất hết các đặc ân.

III. HẬU QUẢ CỦA NGUYÊN TỘI

+ Cain giết em là Aben : câu chuyện cho thấy khi con người khước từ Thiên Chúa thì sớm muộn sẽ loại trừ anh em, cái chết đầu tiên xuất hiện. Con người chạm vào máu của anh em.

+ Đại hồng thủy và gia đình Nôe : đoạn văn về lụt hồng thủy cho thấy tội lỗi lan tràn nhanh chóng, và Thiên Chúa muốn tẩy sạch bằng lũ lụt. Thiên Chúa quan tâm đến con người. Người không thể chấp nhận tội lỗi, nhưng đối với người ngay chính (gia đình ông Nôe), Thiên Chúa cứu thoát.

Người hứa sẽ không huỷ diệt nhân loại như vậy nữa. Dấu chỉ giao ước là cầu vồng.

+ Thập Baben : lòng kiêu ngạo sinh ra sự bất hoà và hỗn loạn. Lòng kiêu ngạo khiến con người không còn có thể hiểu nhau vì ngôn ngữ bất đồng, và họ phân tán đi khắp nơi trên mặt đất.

Con người càng chìm sâu trong tội càng cần ơn cứu độ. Thiên Chúa nhân từ thương xót đã hứa ban Đấng cứu độ : *“Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó”* (St 3,15).

BÀI 2

CHUẨN BỊ DÂN THIÊN CHÚA

(sách Sáng thế 12 tt)

Từ chương 12, sách Sáng thế kể về sự tích các tổ tiên của dân Israel, cũng là những vị được các tín hữu nhìn nhận là cha ông của mình trong đức tin. Như thế, lịch sử cứu độ bắt đầu và vẫn còn tiếp diễn cho tới ngày nay, một dòng lịch sử

liên quan đến toàn thể nhân loại, cũng như tới dân Do thái và Hội Thánh Kitô giáo.

I. THIÊN CHÚA CHỌN GỌI ÔNG ABRAHAM

Việc Thiên Chúa gọi ông Abraham, chọn dân Israel làm nổi bật lên những gì mà ngay từ đầu đã được coi là dấu chỉ *ơ tiên định cho dân Israel*, dân riêng của Thiên Chúa.

Tại đất Kharan, Thiên Chúa gọi ông Abraham, mà không chỉ rõ mục tiêu của cuộc hành trình : “*Người hãy rời bỏ xứ sở, bỏ nhà cha người mà đi tới đất ta sẽ chỉ cho*” (St 12,1). Tuy nhiên, tác giả nói rõ những gì tổ phụ phải bỏ lại đằng sau : xứ sở, họ hàng và nhà thân phụ. Nhắm mắt chấp nhận trong tin tưởng lời gọi của Thiên Chúa như vậy, ông Abraham đã trở thành ‘*cha của những người tin*’ và là gương mẫu lòng tin lý tưởng cho con cháu đến muôn đời.

II. LỜI HỨA VÀ GIAO ƯỚC

Thiên Chúa đổi tên Abram thành Abraham (nghĩa là người cha các dân tộc) và vợ ông là Sarai thành Sara (nghĩa là nữ hoàng), vì từ nay con cháu bà sẽ là vua chúa. Việc đổi tên có ý nói lên chủ quyền của Thiên Chúa trên các ngài, ý nghĩa quan trọng hơn, thay đổi hướng đi, vận mệnh của một cuộc đời.

Thiên Chúa hứa ban cho ông Abraham ba điều : nên tổ phụ một dân tộc vĩ đại, ban một đất nước và ban một lời chúc phúc cho muôn dân.

Thời gian trôi qua, Abraham vẫn chưa có con, ông định đặt Ismael (có con với nữ tỳ Haga) lên để tiếp tục đón nhận lời hứa, nhưng Thiên Chúa lại xác định : không, mà là con của Sara, một lần nữa, ông Abraham tin vào lời hứa của

Thiên Chúa. Để xác nhận lời hứa, Thiên Chúa đã lập với Abraham một giao ước. Giao ước được mô tả qua nghi thức : các con vật xẻ đôi đặt hai bên, hai đàng giao hết sẽ cùng đi vào giữa, vừa đi vừa cam kết : nếu ai thất tín, sẽ bị (thần linh) phân thân như những con vật này.

Giao ước ở St 15,17-18 là một giao ước đơn phương : chỉ có Thiên Chúa dưới hình thức lửa hồng đi qua, vì Người muốn tự buộc mình vào giao ước và thi ân cho tổ phụ. Còn giao ước ở St 17,1-22 mới là giao ước song phương, Thiên Chúa hứa, đồng thời Người cũng đòi buộc Abraham phải thánh thiện, thuộc riêng về Người qua hình thức cắt bì.

III. CAO ĐIỂM CỦA LÒNG TIN

Tối ngày mãn nguyệt khai hoa, bà Sara, vợ ông Abraham, sinh ra Isaac, Thiên Chúa lại tiếp tục thử thách ông nhằm thanh luyện ông cho thật hoàn hảo. Một thử thách quá sức : hiến tế người con trai duy nhất của mình làm lễ toàn thiêu. Như lần gọi đầu tiên ở Kharan, Abraham cũng không nói hay hỏi lý do gì cả, ông vâng lệnh. Thái độ của ông thật tuyệt vời, ông tin rằng lời hứa của Thiên Chúa sẽ được thực hiện, chính tác giả thư Do thái (Dt 11,17-19) và thánh Giacôbê (Gc 2,20-22) hết lời ca ngợi Abraham. Thiên Chúa đã chúc lành cho ông : *“Ta lấy danh Ta mà thề : bởi vì ngươi đã làm điều đó, đã không tiếc con của ngươi, con một của ngươi, nên Ta sẽ thi ân giáng phúc cho ngươi, sẽ làm cho dòng dõi ngươi nên nên đông nên nhiều như sao trên bầu trời, như cát ngoài bãi biển”* (St 22,17-18).

IV. DÂN THIÊN CHÚA ĐƯỢC CHUẨN BỊ

Công việc chuẩn bị dân Thiên Chúa đã hoàn thành ở giai đoạn đầu.

Thiên Chúa lại thực hiện lời hứa, Isaac lấy bà Rêbêca sinh đôi Esau và Giacóp (St 25,21). Truyện bán quyền trưởng nam vì bát cháo, bà mẹ bày kế cho Giacóp đoạn phúc lành từ tay Esau. Từ đây, Giacóp sẽ mang lời hứa của Thiên Chúa.

Vì sợ anh trả thù, Giacóp trốn sang Kharan, ở đó ông cưới vợ và sinh được mười hai người con trai (Ruven, Simêon, Lêvi, Giuđa, Isaca, Dơvulun ; Giuse, Bengiamin ; Đan, Náptali ; Gát và Ase). Người nổi bật nhất trong đó là Giuse, sau này làm tể tướng triều đình Ai cập.

V. TRUYỆN ÔNG GIUSE

Một câu chuyện hấp dẫn có sức lôi cuốn độc giả. Vì sự ganh ghét của anh em, Giuse bị bán sang Ai cập làm nô lệ, nhưng Thiên Chúa hằng ở cùng ông, nhờ vậy mà ông đã đi từ chốn ngục tù lên làm Đại thần bên cạnh vua Pharaô.

Nạn đói xảy ra khắp nơi, Giuse chẳng những giải cứu được nạn đói tại Ai cập mà còn cứu sống được gia đình ông. Nhờ biến cố này gia đình ông được đón tiếp và sinh sống dễ dàng bên Ai cập. Thế là Thiên Chúa đã biến cái xấu của con người ra cái tốt : Giuse là người ngay chính bị loại bỏ, từ người nô lệ thành vị cứu tinh cho Ai cập ; dĩ ân báo oán cho anh em ruột thịt.

Cuộc đời Giuse như tiên báo hình ảnh Chúa Giê-su, “*Người Tôi Trung của Đức Chúa*”. Đây là lần đầu tiên Kinh Thánh nêu lên ý niệm về sự cứu độ : vì một người mà nhiều người được hưởng nhờ.

Dần dà, dòng dõi Giacóp sinh sôi nảy nở thật nhiều. Các vua Ai cập sợ họ trở nên quá mạnh, có thể gây hiểm họa, nên đã bóc lột sức lao động của họ, bắt họ làm việc nặng nhọc trong các công trình xây dựng. Đang khi họ lâm than khổ cực

như thế, Thiên Chúa chuẩn bị một người để giải thoát họ : đó là ông Môsê.

BÀI 3

THÀNH LẬP DÂN THIÊN CHÚA

(sách Xuất hành)

Lịch sử dân Israel thực sự bắt đầu với việc ông Môsê đưa đồng bào ra khỏi đất Ai cập. Chính việc xuất hành từ Ai cập đến núi Sinai lập Giao ước đã tạo nên dân Israel. Các thế hệ tiếp theo vẫn công nhận thời kỳ này là thời khai sinh của họ. Bởi đó, họ luôn hồi tưởng về thời kỳ này và lấy thời này làm điểm qui chiếu cho mọi giai đoạn lịch sử của mình.

I. ÔNG MÔSÊ ĐƯỢC GIAO SỬ MẠNG

Dân Israel càng ngày càng rên siết dưới ách thống trị hà khắc của vua Pharaô. Trong hoàn cảnh đó, một bé trai Do thái thuộc chi tộc Lêvi đã sống sót nhờ tính hiếu kỳ và lòng nhân hậu của công chúa Ai cập. Chính công chúa đặt tên cho đứa trẻ là Môsê (nghĩa là được vớt ra khỏi nước). Ông lớn lên và được giáo dục trong hoàng cung, tuy nhiên ông ý thức mình thuộc dân nô lệ và rất thương đồng bào mình. Nhưng một ngày kia, vì bênh vực một người đồng bào, ông lỡ tay giết một người Ai cập và vì thế phải trốn vào sa mạc.

Khi đang chăn chiên tại Mađian, ông gặp *thiên sứ Đức Chúa* hiện ra trong ngọn lửa giữa bụi gai trên núi Khorép, bụi gai rực lửa mà không bị thiêu rụi. Thiên Chúa mạc khải cho ông biết Danh của Người : “*Ta là Đấng hiện hữu*” (Xh 3,14), giao cho ông sứ mạng : trở lại gặp vua Pharaô, yêu cầu trả tự

do và đưa đồng bào ra khỏi Ai cập. Ông Môsê vâng lời và thực hiện điều Thiên Chúa muốn. Thiên Chúa phù giúp ông bằng cách cho ông thực hiện mười tai hoạ : *nước sông Nin biến thành máu, ếch nhái, muỗi, ruồi nhặng, ôn dịch, ung nhọt, mưa đá, châu chấu, cảnh tối tăm và các con đầu lòng của người và súc vật Ai cập đều bị giết chết*. Những điềm thiêng dấu lạ Thiên Chúa đã thực hiện qua tay ông Môsê không chỉ thuyết phục được Pharaô và quần thần Ai cập nhưng còn khiến cho dân Israel tin và trông cậy vào Thiên Chúa và vào ông Môsê, tôi trung của Thiên Chúa.

II. XUẤT HÀNH

Trong đêm Vượt qua, dân Israel giết con chiên, lấy máu bôi trên thành cửa làm dấu, thiên sứ sẽ “*vượt qua*” không làm hại các gia đình Do thái. Họ ăn thịt chiên với bánh không men và rau đắng, ăn vội vàng trong tư thế sẵn sàng để lên đường, “*xuất hành*”.

Sau tai ương thứ mười quá khủng khiếp, vua Ai cập hối thúc người Do thái ra khỏi nước càng sớm càng tốt. Dân tiến về phía đông nam vượt qua biển Sậy tiến vào đất hứa Canaan.

Môsê hướng dẫn Israel lên đường nhưng chính Thiên Chúa mới là Đấng dẫn dắt dân của Người i: ban ngày có cột mây, ban đêm có cột lửa để dẫn dắt và soi sáng cho dân đi suốt ngày đêm.

Sau đó, vua Pharaô tiếc nuối, vì không còn người để xây dựng phục dịch như trước đây, nên cho binh mã đuổi theo để bắt lại ; nhưng Thiên Chúa đã cho dân Israel vượt qua Biển Đỏ ráo chân còn quân mã Ai cập phải chết chìm trong Biển (Xh 14-15).

Đối với lịch sử Israel, cuộc ra đi khỏi Ai cập là biến cố trọng đại nhất, nói lên tình thương và quyền năng của Thiên Chúa. Mỗi khi có đại lễ, dân Do thái thường nhắc lại việc Thiên Chúa giải phóng họ khỏi ách nô lệ, đưa ra khỏi Ai cập, tiến vào đất hứa.

III. LẬP GIAO ƯỚC SINAI

Giao ước chính là thể hiện khía cạnh căn bản ý định cứu rỗi : Thiên Chúa muốn liên kết với con người bằng cách làm cho họ thành một cộng đoàn chuyên lo phụng sự Người, có luật Người hướng dẫn và được Người uỷ thác cho những lời hứa. Thiên Chúa đã giao ước với Noê, Abraham, Isaac, Giacóp... Nhưng có lẽ quan trọng nhất là Giao ước Sinai, bởi nó là sợi dây liên kết hai bên với nhau, khiến nó trở thành công thức giao ước căn bản : *Israel thành dân riêng của Thiên Chúa và Người là Thiên Chúa mà Israel tôn thờ*. Như thế, giao ước đem lại cho đời sống một mục đích, và cho lịch sử một ý nghĩa. Do đó, nỗi sợ sệt ám ảnh các dân ngoại, các thần ngoại bang đã được loại hẳn, đối với Thiên Chúa, Israel đã biết phải cư xử thế nào, từ đó có một bầu khí trông cậy và vững tâm, những ai tuân giữ thánh ý, tuân giữ giao ước sẽ được Thiên Chúa chúc lành, nghĩa là được hoà bình, đất đai phì nhiêu...

Hơn nữa, giao ước Sinai là trung tâm niềm tin tôn giáo của Israel, vì giao ước đã ảnh hưởng đến lịch sử dân tộc. Một số ngôn sứ như Amốt, Hôsê, Giêrêmia, Êdêkien... hay lấy giao ước Sinai làm điểm qui chiếu để đưa ra những áp dụng cụ thể cho thời đại của mình.

Có thể nói những trình thuật giao ước trong lịch sử Kinh Thánh được xem là thần học của giao ước. Thần học giao ước

không những áp dụng vào chính giao ước Sinai, mà còn tạo nên một cái khung để tái khám phá và hiểu những lời hứa trước đây của Thiên Chúa với Nôe, Abraham, Isaac và Giacóp.

Sâu xa hơn, thành công hay thất bại của dân tộc Israel về chính trị hay quân sự... đều lấy giao ước Sinai làm tiêu chuẩn để đánh giá. Giao ước Sinai như là thước đo cho các vua thời quân chủ được nói đến trong sách Samuen và sách các Vua.

IV. TIẾN VÀO ĐẤT HỨA

Bốn mươi năm lưu trú trong sa mạc không phải là thời gian thu vợi. Ông Môsê đã nói cho dân biết về miền đất hứa Canaan, “*Vùng đất chảy sữa và mật*”, nhằm động viên tinh thần họ. Tuy nhiên, đất hứa không phải là vùng đất đã dọn sẵn cho dân, nhưng họ phải nỗ lực chiến đấu, đổ mồ hôi và máu mới chiếm được.

Ông Môsê qua đời, Thiên Chúa đặt ông Giosuê làm người kế vị, để tiếp tục dẫn dắt dân vào đất hứa. Cuộc vượt qua sông Giođan mẫu nhiệm như cuộc vượt qua Biển Đỏ : các thầy Lêvi khiêng Khảm Giao Ước bằng qua sông đến đâu thì nước liền khô cạn đến đấy.

Thực ra, dân Israel chưa quen và cũng không hiểu biết nhiều về việc tổ chức quân đội. Mặt khác, dân cư tại Canaan đã có kinh nghiệm về những cuộc cướp bóc, nên họ có biện pháp đề phòng. Hơn nữa, địa hình núi non hiểm trở. Nhưng trong vòng năm mươi năm, hầu hết các thành trì đều lọt vào tay người Israel. Dân Canaan bị thôn tính nhanh chóng vì :

- Đó là ý muốn của Thiên Chúa.

- Dân Canaan chia rẽ và phân tán thành ba mươi một nước nhỏ nên võ trang quân sự rất yếu (Xh 12,24).

- Họ vừa bị Israel tấn công mặt trận phía đông, lại bị quân Philistin tấn công phía tây.

Sau khi vào đất hứa, văn hoá thua kém vì trước đây là dân du mục không thông thạo việc đồng áng, nên dân Israel học hỏi dân địa phương. Dần dần, chịu ảnh hưởng phong tục, xã hội nên tôn giáo sa sút, niềm tin vào Thiên Chúa duy nhất bị lung lay. Và họ đã phản bội giao ước Sinai, đã thờ các thần ngoại bang và thường gây chiến với nhau.

Đại hội Sikhem :

Đây là một biến cố quan trọng đối với lịch sử Israel. Đại hội nhắc lại giao ước Sinai để dân nhớ lại những điều đã cam kết với Thiên Chúa. Hơn nữa, Giosuê muốn thống nhất mười hai thị tộc thành quốc gia Israel, một dân tộc tôn giáo chỉ tôn thờ một mình Thiên Chúa. Một quốc gia không có vua, nhưng Khâm Giao Ước là biểu tượng hợp nhất tôn giáo. Tên của mười hai thị tộc theo thứ tự từ bắc xuống nam như sau : Đan, Nápтали, Ase, Dơvulun, Ítxakha, Mơnase, Épraim, Gát, Bengiamin, Giuđa, Rutuven, Simêon. Và lịch sử cứu độ lại mở sang trang mới.

BÀI 4

THỜI THỦ LÃNH VÀ QUÂN CHỦ

(Thủ lãnh ; 1&2 Samuen ; 1&2 các Vua)

I. LỊCH SỬ ISRAEL THỜI THỦ LÃNH

Thời thủ lãnh trải dài khoảng từ năm 1200-1025 tcn. Có những nhóm Do thái miền Bắc và miền Trung Canaan liên minh nhau trong một thời gian để đối phó với hiểm hoạ xâm lược chung.

Cứ mỗi lần xuất quân chiến đấu, họ chọn lấy một người chỉ huy, điều khiển quân đội của một vài thị tộc. Xong trận mạc, họ lại trở về với đồng ruộng của mình. Cứ mỗi lần như vậy, họ bắt đầu lại, không có sẵn đội quân tinh nhuệ, và vì thế kết quả rất tầm thường. Dần dần, Israel nhận ra rằng họ phải có một vị chỉ huy tối cao thống lãnh toàn thể mười hai thị tộc. Như thế mới hy vọng đánh thắng dân địa phương.

Trong số mười hai thủ lãnh mà Kinh Thánh ghi lại, có bốn vị anh hùng đáng chú ý đặc biệt, cho chúng ta thấy môi trường lịch sử, xã hội của dân Do thái trong thời kỳ này, đó là : (bà Đơvôra và) ông Barác ; ông Ghítôn, ông Gíptác và ông Samson.

II. THỜI QUÂN CHỦ

Một chuyển hướng quan trọng trong lịch sử chính trị và tôn giáo Israel đó là việc thiết lập nền quân chủ. Nhân vật cuối cùng từ thời thủ lãnh sang thời quân chủ là ông Samuen. Ông là con hiếm muộn của bà Khana và ông Encana. Hồi bé, ông ở với thầy cả Hêli trong đền thánh Silô. Hai đứa con trai ông Hêli làm cho việc phụng sự thánh ra phạm tục nên Thiên Chúa đã trừng phạt. Khi nghe tin hai con bị giết trong trận đánh với quân Philitinh, ông Hêli ngã ngựa mà chết (1 Sm 4).

1. Samuen và Saun

Trong vòng hai mươi năm, kể từ khi ông Hêli qua đời, Samuen lãnh đạo quốc gia. Khi ông về già, bị sức ép bên ngoài, dân chúng xin ông đặt vua cho họ. Ông cực lực phản đối, vì vốn chủ trương chính thể thần quyền. Nhưng sau cùng ông nhượng bộ và đặt ông Saun làm vua, rồi ông rút vào bóng tối. Sau đó là các cuộc chiến chống quân Philitinh và quân Amaléch. Ban đầu là những chiến thắng lẫy lừng, nhưng rồi bóng đen cứ phủ dần lên vua Saun : hai lần vua không vâng lệnh Đức Chúa, và ông Samuen cho vua biết vua đã bị Thiên Chúa truất phế. Người đã chọn Đavít thay vua.

2. Vua Đavít (2 Sm 2-20)

Trong bảy năm trị vì Giuđa ở Khéprôn, vua Đavít tiến hành cuộc chiến chống người kế vị vua Saun, đánh tới đâu thắng tới đó, còn nhà Saun ngày càng suy tàn. Đavít chiếm Giêrusalem làm “*thành vua Đavít*”, đồng thời làm thủ đô của vương quốc. Thế rồi vua long trọng cung nghinh Khám Giao Ước từ Silô về. Biến cố quan trọng nhất đối với lịch sử cứu độ là lời sấm của ngôn sứ Nathan, theo đó, Thiên Chúa hứa duy trì triều đại vua mãi mãi : “*Ta sẽ làm cho ngai vàng của nó*

(thái tử kế vị) vững bền mãi mãi. Đối với nó, Ta sẽ là Cha, đối với Ta, nó sẽ là con” (2 Sm 7,13-14).

Như vậy, dòng giống vua Đavít đóng vai trò quan trọng của lịch sử cứu độ, vì mỗi khi một vị vua lên ngôi thuộc dòng Đavít, thì dân Israel ăn mừng và hy vọng biết đâu vị vua đó chính là Đấng Cứu độ mà Thiên Chúa đã hứa xưa.

3. Vua Salômon

Khi lên ngôi, vua Salômon làm cho đất nước phồn vinh thịnh vượng, nhờ mở mang thị trường thương mại quốc tế. Một trong những công trình vĩ đại của ông là xây cất đền thờ Giêrusalem như lời tiên báo của ngôn sứ Nathan. Salômon là người khôn ngoan nhất vì ông xin Thiên Chúa điều đó, nhưng ông lại quá đam mê : có hàng trăm vợ. Các bà sùng bái thần ngoại và chính Salômon cũng tham gia. Đây là điều xúc phạm nghiêm trọng đến giao ước : phá huỷ niềm tin vào Thiên Chúa duy nhất.

Salômon không hoán cải, Thiên Chúa không thể bỏ qua, và Người đã ra tay trừng phạt : Đất nước chia đôi Nam – Bắc.

III. NAM – BẮC PHÂN TRANH

Salômon qua đời, người kế vị là Rơ-khóp-am, vua trẻ tuổi lại kém thông minh nên đất nước chia rẽ.

Trước đây, vua Salômon bắt các thị tộc đóng thuế cao. Mặt khác, lòng ganh tị Nam – Bắc đã có từ lâu, nên khi vua Rơ-khóp-am đến Sikhem dự lễ tấn phong, những thị tộc miền Bắc yêu cầu vua giảm thuế, vua đã không giảm mà còn tăng. Hậu quả là miền Bắc ly khai : vương quốc Israel gồm mười thị tộc ; miền Nam là vương quốc Giuđa, gồm hai thị tộc : Giuđa và Bengiamin.

Vua miền Bắc là Gia-róp-am muốn tránh tình trạng dân về Giêrusalem dự lễ hàng năm và như thế sẽ hướng lòng về miền Nam, nên ông đã cho xây hai đền thờ tại Bêthen và Đan. Ông cho dựng những con bê vàng, gây ra tai hoạ lớn : dân chúng sùng bái ngẫu tượng, gieo mầm cho Israel phản bội Thiên Chúa.

Để ngăn chặn sự phản bội ấy, các ngôn sứ đã bước vào lịch sử, kêu gọi dân chúng thay đổi tâm trí.

BÀI 5

THỜI CÁC NGÔN SỨ

(Sách các Ngôn sứ)

I. NGÔN SỨ LÀ GÌ ?

Ngôn sứ là người nói thay mặt Thiên Chúa, nói lên ý nghĩ của Thiên Chúa về những biến cố của thời đại, là người bảo cho dân Israel biết ý muốn của Thiên Chúa trong hiện tại. Các ông là phát ngôn viên của Thiên Chúa, những “ngôn sứ” của Người, nghĩa là những sứ giả mang lời của Người đến cho dân.

Có thể nói các ngôn sứ là những con người lấy truyền thống làm cơ sở để giải thích và áp dụng truyền thống đó cho

thời đại mình, và có thể còn nhìn xa để thấy trước và xây dựng tương lai.

Những vấn đề quan trọng thường được các ngôn sứ đề cập:

- Chỉ thờ một Thiên Chúa thật, Người là Đấng Siêu Việt, là Chủ Tể vũ trụ. Công kích việc thờ ngẫu tượng.

- Sự thánh thiện trong tâm hồn, phải giữ đạo thật lòng, nghĩa là kính sợ, yêu mến Thiên Chúa và vâng phục Người.

- Ăn ở công bình, đừng bóc lột dân nghèo, đừng ức hiếp người cô thế cô thân.

- Loan báo Đấng Cứu Thế : hình phạt chưa phải là tiếng nói cuối cùng của Thiên Chúa, Đấng hoàn tất những lời đã hứa, dù dân có bội phản.

Truyền thống Hội Thánh chia ngôn sứ thành hai loại :

. Ngôn sứ lớn : Isaia, Giêrêmia, Êdêkien, Đanien.

. Ngôn sứ nhỏ : Hôsê, Giôn, Amốt, Ôvađia, Giôna, Mikha, Nakhum, Khabacúc, Xôphônia, Khácgai, Dacaria, Malakhi, Nôkhemia, Êtra.

II. CÁC NGÔN SỬ TRƯỚC THỜI LƯU ĐÀY

1) Miền Bắc : vương quốc Israel bị xáo trộn vì tranh cướp ngôi vua.

+ **ÊLIA** : chống lại vua Akháp (vua Samari) và hoàng hậu Idevên (người Phenixi) trong việc giết Navốt. Cuộc tế lễ tại núi Cácmen. Cuộc đời Êlia kết thúc cách bí nhiệm : sau khi giao phó trách nhiệm cho Êlisa, ông được đưa lên trời trong một xe bằng lửa (2 V 2).

+ **ÊLISA** : đồ đệ của Êlia, sống không đơn độc, chung quanh ông có các nhóm *các con của các ngôn sứ* nghĩa là những người thuộc đoàn thể ngôn sứ, sống chung với nhau (2 V 2,3.15). Ông nổi tiếng hay làm phép lạ, chẳng hạn ông làm cho tướng Naaman khỏi bệnh phong cùi (2V 5).

+ **AMỐT** : là người miền Nam nhưng làm ngôn sứ ở miền Bắc vào giữa thế kỷ VIII tcn. Nhân danh Thiên Chúa, ông đã can thiệp vào một thời cực thịnh, tố cáo nền phụng tự quá ư hình thức và cảnh bất công dân nghèo phải chịu.

+ **HÔSÊ** : xuất hiện sau ngôn sứ Amốt ít lâu. Vợ ông sớm bỏ ông để sống đời gái điếm, ông tìm kiếm, đưa về và yêu thương. Từ kinh nghiệm bản thân về tình yêu, ông hiểu tình yêu của Thiên Chúa với Israel hơn. Hôê đưa vào Kinh Thánh hình ảnh hôn nhân giữa Thiên Chúa và loài người : *“Người muốn tình yêu chứ không cần hy tế”* (Hs 6,6).

Lời Chúa đanh thép (Amốt) hay ngọt ngào (Hôê), dân miền Bắc cũng không chịu nghe. Nên ngày của Thiên Chúa đã đến : đế quốc Átsua chiếm thủ đô Samari (năm 721), bắt dân đi đày và đưa ngoại bang đến (2 V 17-24), biến dân này thành dân lộn xộn, tôn giáo lai căng.

2) **Miền Nam** : vương quốc Giuđa tương đối ổn định hơn, nhưng cũng có bất công và sùng bái ngẫu tượng. Thiên Chúa sai các ngôn sứ đến ngăn chặn để họ khỏi lao xuống vực thẳm.

+ **ISAIA** : làm sứ giả của Thiên Chúa tại Giêrusalem vào thời nước Átsua chiếm ưu thế. Ông kiên cường bảo vệ niềm tin vào Thiên Chúa thánh thiện và tối cao. Ông kêu mời vua và dân tin nhận, phục tùng Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh.

+ **MIKHA** : sống cùng thời với ngôn sứ Isaia. Ngôn sứ Mikha trách không tiếc lời những kẻ giàu cướp bóc, kẻ cho vay vô lương tâm, những con buôn gian lận, những gia đình chia rẽ, các tư tế tham lam, các quan toà ăn hối lộ... Tuy nhiên, ngôn sứ luôn “*trông cậy vào Thiên Chúa cứu độ*” (Mk 7,7).

+ **GIÊRÊMIA** : làm ngôn sứ ở Giêrusalem. Ông hết lòng yêu dân, nhưng ông lại là người cô độc, không được thương mến mà còn bị ngược đãi. Bất đắc dĩ ông mới đi chịu đi làm sứ giả cho Lời Thiên Chúa, tiên báo tai ương cho một dân vô cùng phản nghịch. Ông đã chứng kiến thành Giêrusalem sụp đổ và nước Giuđa bị mất.

III. CÁC NGÔN SỬ THỜI LƯU ĐÀY VÀ HỒI HƯƠNG

1) *Lưu đày* :

Biến cố Nabucôđônôso đánh chiếm thành Giêrusalem, phát lưu dân Giuđa qua Babilon xảy ra năm 597. Sau đó, thành thánh bị triệt phá năm 587, làn sóng lưu đày càng dồn dập. Lưu đày đánh dấu một khúc quặt trong lịch sử Israel. Một giai đoạn cũ chấm dứt : thành và đền thờ bị phá, những nghi lễ chính thức bị gián đoạn, vương quốc bị tiêu hủy, Israel không còn là một dân mà chỉ là những cá nhân tan tác. Nhưng chính trong cơn thử thách đó, một giai đoạn mới được chuẩn bị : đó là việc phục hưng tôn giáo và khai sinh một cộng đồng mới cho thời hậu lưu đày.

+ **ÊDÊKIEN** : thuộc gia đình tư tế tại đền thờ Giêrusalem bị lưu đày năm 597. Ông làm ngôn sứ bên Babilon vào đầu thế kỷ VI, cho những người Israel bị lưu đày. Ban đầu, sấm ngôn của ông thật nghiêm khắc, vì họ bị coi là những người có trách nhiệm về những tai họa diễn ra ở Giêrusalem ; sau

đó, ông giữ vững tinh thần cho họ bằng cách tiên báo thời hồi hương và cứu độ.

+ **ISAIA đệ nhị** (Is 40-55) viết trong thời lưu đầy khoảng năm 550. Sách này được gọi là *Sách an ủi Israel*, vì nội dung sách góp phần nâng đỡ tinh thần dân rất nhiều. Bốn bài ca về Người Tôi Trung (42, 1-7 ; 49, 1-6 ; 50, 4-9 ; 52,13-53,12) chính là những lời tiên báo về sứ vụ Đức Giêsu sau này : làm ngôn sứ và phải đau khổ và phải chết.

2) *Hồi hương* :

Đế quốc Ba tư đánh chiếm Babilon, đại đế Kyrô hạ chiếu chỉ cho phép những người lưu đầy hồi hương năm 538. Cuộc hồi hương này mang tính tôn giáo nhiều hơn chính trị : đào sâu ý thức tôn giáo và củng cố cộng đoàn.

+ **ISAIA đệ tam** (Is 55-66) viết sau thời lưu đầy, tiên báo Thiên Chúa sắp sáng tạo *trời mới đất mới*.

+ **KHÁCGAI & DACARIA** : sống đồng thời với nhau sau lưu đầy (520-515). Hai ngôn sứ cùng với hai ông Dơrúpaven và Giêsuia đôn đốc và thúc giục dân tái thiết đền thờ Giêrusalem. Năm năm sau, đền thờ hoàn tất ; thêm nữa, ngôn sứ Dacaria nhìn về tương lai, kêu mời dân chung thủy với Thiên Chúa.

+ **NÓKHEMIA & ÉTRA** : hai ông sống khoảng năm 445, đều là tư tế. Nôkhemia xin phép tái thiết tường thành Giêrusalem ; người Do thái vừa xây vừa chống trả người Samari và Amon. Thế mà sau hai tháng, họ đã làm xong công trình. Còn Étra chú ý đến đời sống thiêng liêng, ông đọc luật Môsê cho dân chúng nghe (Nkm 8) và cử hành nghi lễ nhắc lại Giao ước Sinai.

+ **MALAKHI** : sống khoảng năm 400. Ông mạnh dạn tố cáo sự vô luân và bất công xã hội, gây nguy hại cho đời sống thiêng liêng của dân. Ông cũng cảnh cáo các tư tế phục vụ thiếu nhiệt tâm và ý thức trong các lễ tế tầm thường của dân.

3) *Hậu ngôn sứ* :

Từ năm 332-63, không có biến cố gì quan trọng, nhưng bên ngoài thì tình hình chính trị quân sự thay đổi nhanh chóng, các sự kiện chiến tranh từ thời đế quốc Hy Lạp đến đến quốc Rôma ít nhiều cũng ảnh hưởng đến đời sống nước Do thái. Độc lập, an ninh luôn bị đe dọa, vì Do thái là một nước yếu về quân đội. Bên cạnh đó, họ nhớ lại những lời khuyên dạy của các ngôn sứ, họ hy vọng và trông đợi một vị vua cứu độ đến như lời các ngôn sứ đã tiên báo.

Đấng Cứu Độ sẽ đến từ trời như là CON NGƯỜI, thuộc dòng dõi vua Đavít. Người được ban cho quyền năng, vinh quang và danh dự. Mọi dân tộc, mọi quốc gia sẽ phục vụ Người. Quyền bính Người thì vĩnh cửu và triều đại Người sẽ không bao giờ bị tiêu huỷ (Đn 7,9-14).

Khoảng ba năm trước khi vua Hêrôđê Cả băng hà (năm 4 tcn), Đức Giêsu Kitô, Ngôi Hai Thiên Chúa, giáng thế làm người, quê ở Nadarét. Với Người, lịch sử cứu độ đã chuẩn bị xong, và giai đoạn thực hiện bắt đầu : **TÂN ƯỚC**.

BÀI 6

HỒNG ÂN CỨU ĐỘ

(*Sách Tân Ước*)

Một chặng đường dài chuẩn bị, nay thời gian cứu độ đã đến hồi viên mãn, Thiên Chúa đã nhập thể nơi lòng một trinh nữ (Is 7,14 ; Mt 1,23). “*Thuở xưa nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa phán dạy qua cha ông chúng ta, nhưng vào thời sau hết này, Người phán dạy chúng ta qua Thánh Tử*” (Dt 1,1-2).

Lý lịch trích ngang của vị Thánh Tử ở trần gian như sau :

Tên : Giêsu (nghĩa là Giavê cứu độ).

Ngày sinh : khoảng năm 7 / 6 tcn, thời vua Hêrôđê Cả.

Nơi sinh : Bêlem.

Tên dưỡng phụ : Giuse (thuộc dòng dõi vua Đavít).

Tên mẹ : Maria.

Họ khẩu : Nadarét.

Tình trạng : độc thân.

Nghề nghiệp : thợ mộc.

Qua đời : vào khoảng năm 30 / 33 scn.

I. TRUYỀN TIN GIÁNG THỂ

Niềm vui khởi đầu từ ngày truyền tin : “*Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà*” (Lc 1,28). Thiên sứ loan báo người con mà Đức Maria sinh ra là Con Thiên Chúa, thuộc dòng dõi vua Đavít.

Con Thiên Chúa xuống thế làm người không chỉ dành riêng cho Israel mà cho muôn dân, bằng chứng là các mục đồng và ba nhà chiêm tinh đến bái thờ Người.

Đức Giêsu sống ẩn dật tại Nadarét khoảng 30 năm, trước khi công khai rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa.

II. SỨ VỤ CỦA ĐỨC GIÊSU

Ngay từ những ngày đầu sứ vụ, Đức Giêsu đã rao giảng Nước Trời. Người công bố *Nước Trời đã đến gần*, đồng thời mời gọi con người sám hối để đón nhận tình thương cứu độ, để đáng vào hưởng Nước Trời (Mc 1,14-15). Đức Giêsu tuyên bố rằng Nước Thiên Chúa được dành cho những người nghèo, những người sống tinh thần tám mối phúc trong *Bài Giảng trên núi* (Mt 5,1-12) ; cho những trẻ thơ (Mc 10,14 ; Mt 18,3) và cho cả những người tội lỗi...

Những phép lạ Người làm là những dấu chỉ sự hiện diện của Nước Trời, ách thống trị của thần chết, tội lỗi sẽ bị phá huỷ, khai mở một thời kỳ viên mãn hạnh phúc. Các Tông đồ cũng lãnh sứ mạng công bố Tin Mừng Nước Thiên Chúa và các thế hệ sau lại tiếp tục sứ vụ đó cho đến ngày cánh chung.

III. THƯƠNG KHÓ VÀ PHỤC SINH

Trọng tâm Tin Mừng mà các thánh Tông đồ rao giảng là cuộc Thương khó và Phục sinh của Đức Kitô. Chính cái chết của Người mang lại ơn cứu độ cho chúng ta, và cuộc Phục sinh mang lại niềm hy vọng sống lại và sự sống vĩnh cửu, dành cho những ai tin vào Người.

Thương khó và Phục sinh là đỉnh cao của lịch sử cứu độ. Đó là sự hoàn thành lời hứa cứu độ từ ngàn xưa, và tiếp tục hành trình cứu độ cho đến khi hoàn tất mọi sự.

Đức Kitô về Trời, Người ban Thánh Thần cho các Tông đồ, Hội Thánh chính thức thành lập vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Chúa Thánh Thần hiện xuống). Hội Thánh tiếp tục công trình cứu độ của Đức Kitô ở trần gian cho đến khi Chúa đến lần thứ hai.

BÀI 7

THÔNG PHẦN ƠN CỨU ĐỘ

Hội Thánh do Đức Kitô thiết lập tiếp tục công trình cứu độ cho đến ngày tận thế : *“Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế”* (Mt 28,19-20).

I. SỰ VỤ CỦA HỘI THÁNH

1) Giáo huấn :

Chúa Kitô trao cho Hội Thánh sứ vụ giảng dạy, hướng dẫn dân Chúa, Người sẽ ban ơn và bảo vệ để dân Thiên Chúa được hưởng dẫn đúng.

Ơn vô ngộ được ban cho Đức Thánh Cha, khi ngài dùng quyền Tông đồ để dạy về những gì phải tin (Đức Tin) và phải giữ (luân lý). Ơn này cũng được ban cho các giám mục khi hội công đồng chung hiệp nhất với Đức Thánh Cha, hay cho toàn thể Hội thánh khi đồng tâm nhất trí điều gì về đức tin hay luân lý.

2) Thánh hoá :

Hội Thánh không những có sứ mệnh loan báo ơn cứu độ nhưng còn được trao những phương tiện để giúp con người đạt đến ơn cứu độ nhờ phụng tự, đặc biệt là các bí tích, trong đó công cuộc thánh hoá con người được biểu tượng nhờ những dấu chỉ khả giác và được thể hiện hữu hiệu cách khác nhau theo từng dấu chỉ.

3) *Quản trị* :

Đức Kitô trao cho Hội Thánh quyền đem lại sự sống cho loài người (chữa bệnh, trừ quỷ...), quyền năng phải kể trước tiên là đón nhận người vào cộng đoàn cứu độ và tham dự vào sự sống Thiên Chúa qua bí tích Thánh Tẩy và Thánh Thể.

Hội Thánh có bốn đặc tính : duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền.

II. CÁC THÁNH THÔNG CÔNG

Các tín hữu nhờ bí tích Thánh Tẩy được sát nhập vào Chúa Kitô, thuộc về dân Thiên Chúa, được mời gọi thi hành sứ mạng Thiên Chúa trao, tùy hoàn cảnh riêng của mỗi người, tùy tác vụ (Giám mục, Linh mục, Phó tế, Tu sĩ, Giáo dân) để xây dựng Hội Thánh.

Vì Đức Kitô đã kết hợp các tín hữu thành một Nhiệm Thể mà Người là đầu, nên tất cả đều hiệp thông với nhau trong một tình yêu và một sự sống. Các thánh thông công có nghĩa là *“hiệp thông trong các sự thánh và hiệp thông giữa những người thánh”*.

+ Hiệp thông trong các sự thánh : đức tin, bí tích, đức ái, đặc sủng...

+ Hiệp thông giữa những người thánh :

- Các tín hữu tôn kính, cầu xin các thánh cầu bầu cho họ trước mặt Chúa.

- Các tín hữu dâng việc lành phúc đức cầu cho các linh hồn nơi luyện ngục và các linh hồn cầu bầu cùng Chúa cho chúng ta.

- Các tín hữu còn sống thông công với nhau, vì lời cầu nguyện và đời sống thánh thiện của mỗi người đều có ảnh hưởng đến những người khác.

Con đường Hội Thánh lữ hành sẽ đưa tới vinh quang khi Chúa Kitô trở lại trong huy hoàng rực rỡ. Đang khi chờ Chúa trở lại, Hội Thánh tiếp tục công trình cứu độ của Chúa trong tư thế sẵn sàng nghênh đón Chúa.

III. HOÀN TẤT LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

Đó là ngày tận thế, ngày mà sự chết và tội lỗi bị huỷ diệt hoàn toàn. Đó là ngày bắt đầu một cuộc sống mới trọn vẹn và vĩnh cửu :

- Mẫu nhiệm Chúa Kitô được tỏ bày trọn vẹn.

- Hội Thánh đạt tới sự viên mãn hoàn toàn của Thiên Chúa, Nước Thiên Chúa được thiết lập vĩnh cửu : Vương quyền của Đức Kitô được thực hiện trọn vẹn.

Đó là ngày lịch sử cứu độ hoàn tất và hồng ân cứu độ được đem đến cho thế giới, cho vũ trụ, cho toàn diện con người.

Theo Hiến chế Phụng vụ : “*Lịch sử cứu độ là mẫu nhiệm Đức Kitô, mẫu nhiệm luôn luôn hiện diện và hoạt động ở giữa chúng ta, nhất là trong các cử hành Phụng vụ*” (số 35).

Đầu mối, trung tâm và cùng đích của toàn thể lịch sử loài người đều ở trong Đức Kitô..., dưới những sự thay đổi có nhiều

điều tồn tại vì dựa trên nền tảng cuối cùng là Đức Giêsu Kitô, Đấng vẫn là một hôm qua, hôm nay và mãi mãi (MV số 10).

KINH THÁNH : MỘT VÀI SỰ KIỆN

SỰ KIỆN	NĂM
Loài người xuất hiện	2.000.000
Tổ phụ Abraham	1.850
Ông Môsê và cuộc Xuất hành	1.250-1.230
Thủ lãnh	1.200-1.025
Vua Saun	1.030-1.010
Vua Đavít	1.010-970
Đánh lấy Giêrusalem	1.000
Vua Salômon	970-931
Xây cất đền thờ Giêrusalem	966
Nam – Bắc phân tranh	931
Lưu đày	587
Hồi hương	538
Tái thiết đền thờ Giêrusalem	520-515
Hêrôđê Cả làm vua	37 – 4 tcn
Chúa Giêsu giáng sinh	7 / 6 tcn

Chúa Giêsu chịu chết

8.4.30 / 4.4.33 cn

Chúa Giêsu Phục sinh

30 / 33 cn

Lời kết

Lịch sử cứu độ không là một lịch sử hảo huyền, bịa đặt. Nhưng là một lịch sử của một dân tộc (dân Israel), hiện diện trong lịch sử nhân loại.

Lịch sử cứu độ trình bày một “*lời hứa Cứu độ*” do Thiên Chúa thực hiện, qua đó làm nổi bật gương mặt **Đức Giêsu Kitô** : **Đấng Cứu Độ trần gian.**

Lịch sử cứu độ vẫn còn tiếp diễn, và **bạn** đang là người tiếp tục góp phần vào lịch sử đó...
